

Số: 1527/GP-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn lần 01)
(Công ty cổ phần Hoa Nhiệt Đới tại giếng khoan bản Búa (GK2),
xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất; Thông tư số 17/2017/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

Xét Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty cổ phần Hoa Nhiệt Đới ngày 11/6/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 455/TTr-STNMT ngày 04/7/2024 và Báo cáo số 774/BC-STNMT ngày 29/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần Hoa Nhiệt Đới (địa chỉ: Bản Búa, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La) được khai thác nước dưới đất với những nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (3,7 ha trồng hoa và rau quả).

2. Vị trí công trình khai thác nước: Giếng khoan tại bản Búa (GK2), xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

3. Tầng chứa nước khai thác: Trầm tích đệ tứ edQ.

4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng khoan.

5. Tổng lượng nước khai thác lớn nhất: 60 m³/ngày đêm.

6. Thời hạn của giấy phép: 05 (năm) năm.

7. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

8. Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000 kinh tuyến trục 104 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)		Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép* (m)	Tầng chứa nước khai thác (m)
	X	Y	Từ	Đến				
GK2	2304792	566477	35	75,5	60	8-12	50	edQ

(*) Phụ lục II Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của UBND tỉnh Sơn La.

(Có Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty cổ phần Hoa Nhiệt Đới.

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Giấy phép này phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc giám sát lưu lượng, mực nước, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

a) Lưu lượng nước khai thác (m³/ngày đêm): Giám sát định kỳ với chế độ giám sát không quá 24 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát.

trước 10 giờ sáng ngày hôm sau.

b) Mực nước trong giếng khai thác: Giám sát định kỳ với chế độ giám sát không quá 24 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát trước 10 giờ sáng ngày hôm sau.

c) Chất lượng nước trong quá trình khai thác.

- Thông số giám sát bao gồm 24 thông số, gồm 09 thông số cơ bản và 15 thông số ảnh hưởng sức khỏe con người (*cụ thể: pH, tổng coliform, nitrat, amoni, chỉ số pemanganat, tổng chất rắn hòa tan, độ cứng tổng số, As, Cl, nitrit, F, sulfat, Cd, CN, Hg, Pb, Cr, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Se, E.coli*); tần suất giám sát 01 lần/06 tháng, giới hạn so sánh với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Kết quả giám sát chất lượng nước phải cập nhật vào hệ thống giám sát không quá 05 ngày kể từ ngày có kết quả phân tích.

d) Trường hợp hệ thống giám sát chưa hoàn thiện hoặc có sự cố thì phải lập sổ nhật ký để lưu số liệu và cập nhật số liệu sau khi hoàn thiện.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước.

5. Hằng năm (*trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo*), tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Sơn La (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La.

7. Các yêu cầu khác để bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, phòng chống sụt lún mặt đất, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước liên quan đến việc khai thác nước dưới đất.

a) Bảo đảm tầng chứa nước không bị suy thoái, cạn kiệt, bảo vệ môi trường sinh thái, không gây sụt lún mặt đất.

b) Phát hiện, xử lý, khắc phục các hiện tượng, sự cố bất thường về chất lượng nước, mực nước tại giếng khai thác và các sự cố về môi trường do hoạt động khai thác của mình gây ra, đồng thời báo cáo kịp thời tới chính quyền địa phương, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mộc Châu và cơ quan cấp phép. Trường hợp có chỉ tiêu phân tích chất lượng nước vượt giới hạn cho phép tại các quy chuẩn tương ứng thì phải có biện pháp xử lý đảm bảo chất lượng nước cho các mục đích sử dụng.

8. Tuân thủ quy định liên quan đến tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ.

9. Chủ động nghiên cứu, áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên

quan đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại công trình.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình cấp gia hạn Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

2. Cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của Trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty cổ phần Hoa Nhiệt Đới được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 13/9/2024 và thay thế Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 2394/GP-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh Sơn La. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần Hoa Nhiệt Đới còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Các Sở: TN&MT, XD;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Mộc Châu;
- Công ty cổ phần Hoa Nhiệt Đới;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

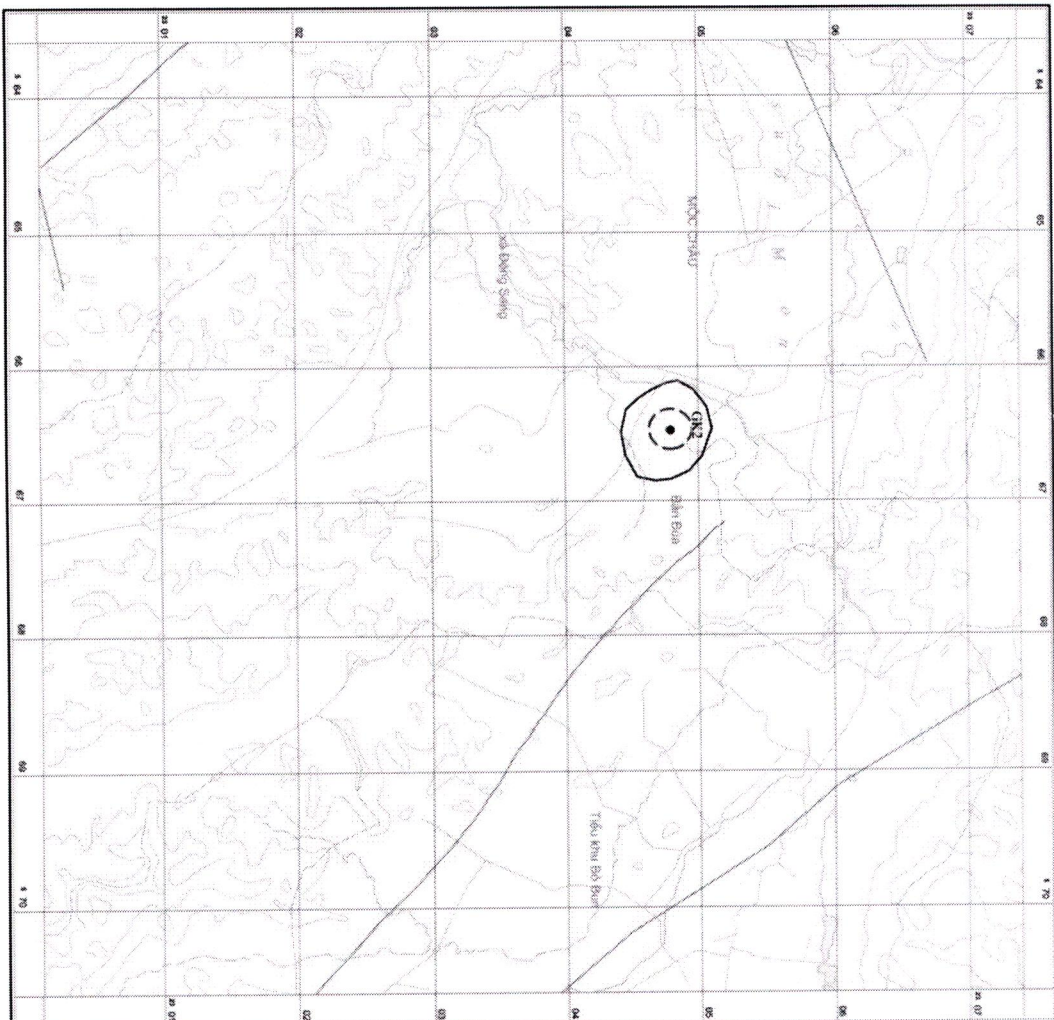


Đặng Ngọc Hậu

KHU VỰC XÃ ĐỒNG SANG, HUYỆN MỘC CHÁU, TỈNH SƠN LA

SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Phân số vô tỉ 01



TỶ LỆ 1:25.000









3:300 Series Index (No Indexing) 2:450 Series (Indexing) 1:450 Series (Indexing)

CHỦ GIẢI

L. V. TRILOKHAN KHALTHAK

Tên giảng	Tọa độ VN2000		TCN khai thác
	X	Y	
GK2	2304792	566477	cdQ

ИЛСӘС КҮННӘН КИҖӘС

- | | | |
|-----|---|---|
| GR2 |  | Giống Khovan khai thác và lý thừu |
| | ○ | Khu vực giống Khovan khai thác GR2 |
| | ○ | Vùng ảnh hưởng của công trình khai thác |
| |  | Sông suối |
| |  | Đường dòng nước |
| |  | Địa Danh |
| |  | Đất gầy |
| |  | Đường thông |
| |  | Ranh giới địa chất |
| |  | Ranh giới xã |

Male	171 cm	65 kg	175 cm	75 kg
Female	165 cm	55 kg	160 cm	50 kg
Age	25	25	25	25
Height	171 cm	165 cm	175 cm	160 cm
Weight	65 kg	55 kg	75 kg	50 kg
Body fat	12%	15%	10%	18%
Heart rate	120 bpm	110 bpm	130 bpm	100 bpm
VO2 max	45 ml/kg/min	40 ml/kg/min	50 ml/kg/min	35 ml/kg/min
Max speed	15 km/h	12 km/h	18 km/h	10 km/h
Time to 1000m	4:30 min	5:00 min	4:00 min	5:30 min
Time to 2000m	9:00 min	9:30 min	8:30 min	10:00 min
Time to 3000m	13:30 min	14:00 min	13:00 min	14:30 min
Time to 4000m	17:30 min	18:00 min	17:00 min	18:30 min
Time to 5000m	21:30 min	22:00 min	21:00 min	22:30 min
Time to 6000m	25:30 min	26:00 min	25:00 min	26:30 min
Time to 7000m	29:30 min	30:00 min	29:00 min	30:30 min
Time to 8000m	33:30 min	34:00 min	33:00 min	34:30 min
Time to 9000m	37:30 min	38:00 min	37:00 min	38:30 min
Time to 10000m	41:30 min	42:00 min	41:00 min	42:30 min

